TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 265/2025/DS-PT
Ngày: 11/6/2025.
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà **Trần Thị Kim Liên**
Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Văn Tào**
ông **Phạm Ngọc Thái**

- ***Thư ký phiên tòa***: ông **Nguyễn Thành Long**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: bà **Phạm Thị Nguyệt Minh**, Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 11 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 126/2025/TLPT-DS ngày 17/3/2025 về tranh chấp quyền sử dụng đất và chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2024/DS-ST ngày 19/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1528/2025/QĐ-PT ngày 26 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Võ Thanh P - sinh năm 1966; địa chỉ: thôn C, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

2. Bị đơn: bà Nguyễn Thị L - sinh năm 1972; địa chỉ: thôn C, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L:* ông Võ Hoàng Q - sinh năm 1991 (văn bản uỷ quyền ngày 26/3/2024); địa chỉ: số A đường N, phường F, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* ông Nguyễn Hương Q1 - Luật sư của Văn phòng L3 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh P. Có đơn đề nghị xét

xử vắng mặt và có gửi luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị L.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị H (chết), có con: Nguyễn Thị Thùy D - sinh năm 1985; địa chỉ: thôn C, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.2. Ông Nguyễn L1; địa chỉ: thôn C, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

3.3. Nguyễn T - sinh năm 1953; địa chỉ: thôn C, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

3.4. Nguyễn Thị Bích L2; địa chỉ: C Rue Marcel D Ambérieu en B, F. Vắng mặt.

3.5. Nguyễn Thị H1 - sinh năm 1967; địa chỉ: thôn C, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

3.6. Bà Nguyễn Thị Y; địa chỉ: Le clos M chemin du goz 01250 J, F. Vắng mặt.

3.7. Nguyễn Thị T1; địa chỉ: I R Ambérieu en B, F. Vắng mặt.

4. Người kháng cáo, kháng nghị: bị đơn bà Nguyễn Thị L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn L1, ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị Thùy D, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị Bích L2 và Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, nguyên đơn ông Võ Thanh P trình bày:*

Nguyên thửa đất số 09, tờ bản đồ số 105, có diện tích 1.529,9m² tọa lạc tại thôn C, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên là một phần của thửa đất mà ông nhận chuyển nhượng từ cha, mẹ ông là ông Nguyễn Tri N và bà Nguyễn Thị T2 vào ngày 31/10/1988. Văn tự bán đoạn một khoản đất rừng cát có nội dung: "Nay vì tuổi già sức yếu kinh tế gia đình gặp khó khăn. Nay vợ chồng tôi đồng thuận lập văn bản này bán lại một khoản đất rừng cát hai sào (2 sào) nêu trên cho vợ chồng con gái tôi là ông Võ Thanh P, bà Nguyễn Thị H1. Thửa đất có giới hạn như sau: Đông cận đất rừng cát ông Nguyễn H2, Tây cận vườn dừa bà Trương Thị P1, Nam cận đất rừng cát ông Nguyễn Đ, Bắc cận đất rừng cát ông Nguyễn Văn H3". Sau khi nhận chuyển nhượng, vợ chồng ông xây dựng nhà ở, trồng hoa màu, cây lâu năm trên thửa đất này. Đồng thời, dựa trên giới cận thửa đất, vợ chồng ông đã phát hoang, chặt bỏ cây bụi, cây tràm để mở rộng diện tích trồng hoa màu, cây lâu năm, sử dụng ổn định không ai tranh chấp. Ngày 05/9/2014, Ủy ban nhân dân thị xã S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 460493 cho vợ chồng ông, với diện tích 2.386m² đất tại thửa đất số 152, tờ bản đồ số 105, còn thửa đất số 09 (nay là thửa đất số 203), tờ bản đồ số 105, có diện tích 1.529,9m² (đo đạc thực tế 1.424,2m² thuộc thửa đất số 181, tờ bản đồ

105-ĐC) liền kề chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, năm 2021, vợ chồng ông làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 09 nêu trên thì ngày 10/5/2021, bà Nguyễn Thị L (là em của ông) có Đơn kiến nghị gửi chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã S đề nghị tạm dừng việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông. Việc làm của bà L là không có căn cứ, đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng ông nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc bà Nguyễn Thị L chấm dứt ngay hành vi cản trở quyền sử dụng đất hợp pháp của gia đình ông. Đồng thời, để vợ chồng ông được quyền tiếp tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Cha, mẹ bà là ông Nguyễn Tri N (chết năm 2012) và bà Nguyễn Thị T2 (chết năm 1990) có 08 người con, gồm: bà Nguyễn Thị H (chết) - có con là Nguyễn Thị Thùy D; ông Nguyễn L1; ông Nguyễn T; bà Nguyễn Thị Bích L2; bà Nguyễn Thị H1; bà Nguyễn Thị Y; bà Nguyễn Thị T1 và bà. Lúc sinh thời, cha, mẹ bà có một mảnh đất thuộc thôn C, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên, giới cận: Tây giáp đất ông Võ Thanh P; Đông giáp đất đường đi; Nam giáp đất ông Nguyễn Đ1; Bắc giáp đất ông H3. Cha bà để lại di chúc (chỉ nói miệng, không có bản di chúc, không có tài liệu chứng cứ nào khác) cấp quyền sử dụng lô đất đó cho 04 người con gái và một cháu ngoại. Nhưng nay vợ chồng ông Võ Thanh P đã tự ý xâm chiếm khu đất trống phần của 04 chị em, 01 cháu ngoại và chuẩn bị làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế đối với diện tích đất 1.424,2m² thuộc thửa đất số 181, tờ bản đồ 105-ĐC.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt trong quá trình tố tụng* nên không có lời trình bày.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2024/DS-ST ngày 19/4/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Căn cứ các Điều 147, 157, 165, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 101, 106, 203 của Luật Đất đai năm 2013; các Điều 500, 501, 502, 503 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Thanh P.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị L chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất hợp pháp đối với diện tích 1.424,2m² thuộc thửa đất số 181, tờ bản đồ 105-ĐC của vợ chồng ông P, bà H1 theo pháp luật. Đồng thời, vợ chồng ông P, bà H1 được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền tiếp tục đăng ký kê khai để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tranh chấp 1.424,2m²

thuộc thửa đất số 181, tờ bản đồ 105-ĐC tọa lạc tại thôn C, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định, bị đơn bà Nguyễn Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn L1, ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị Thùy D, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị Bích L2 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Thanh P và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Ngoài ra, bà Nguyễn Thị T1 và bà Nguyễn Thị Bích L2 còn yêu cầu cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm vì không triệu tập và lấy lời khai của các bà.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 32/QĐ-VKS-DS ngày 20/5/2024, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2024/DS-ST ngày 19/4/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Phú Yên. Đề nghị cấp phúc thẩm huỷ bản án dân sự sơ thẩm nêu trên, chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn bà Nguyễn Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn L1, ông Nguyễn T giữ nguyên kháng cáo. Bà L trình bày rằng ngày 16/6/2023, bà có Đơn yêu cầu phản tố về việc chia thừa kế theo pháp luật nhưng Toà án cấp sơ thẩm không thông báo cho bà biết để nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Do đó, bà cũng thống nhất với nội dung kháng cáo của bà T1 và bà L2, đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm để giải quyết sơ thẩm lại. Ông L1 và ông T đều thống nhất với ý kiến của bà L, đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm.

- Luật sư Nguyễn Hương Q1 có luận cứ đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm để giải quyết sơ thẩm lại vì bà L có yêu cầu phản tố chia di sản thừa kế. Bà Nguyễn Thị Bích L2, bà Nguyễn Thị Y và bà Nguyễn Thị T1 có liên quan đến khối tài sản tranh chấp, nhưng Toà án cấp sơ thẩm không thông báo cho bà L biết để nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, không lấy lời khai của các bà L2, Y, T1 và chưa làm rõ nguồn gốc diện tích đất tranh chấp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng giữ nguyên Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 32/QĐ-VKS-DS ngày 20/5/2024 và cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận Quyết định kháng nghị số 32 nêu trên và chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn L1, ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị Thùy D, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị Bích L2; huỷ bản án dân sự sơ thẩm

số 18/2024/DS-ST ngày 19/4/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Phú Yên và chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn ông Võ Thanh P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1 đều vắng mặt; Luật sư Nguyễn Hương Q1 và bà Nguyễn Thị Thùy D đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà Nguyễn Thị Bích L2, bà Nguyễn Thị Y và bà Nguyễn Thị T1 đã được triệu tập nhưng không hợp lệ theo quy định của pháp luật. Phiên toà mở lần thứ hai, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án. Căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 32/QĐ-VKS-DS ngày 20/5/2024 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn L1, ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị Thùy D, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị Bích L2, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Về nguồn gốc thửa đất tranh chấp: nguyên đơn ông Võ Thanh P cho rằng thửa đất số 181, tờ bản đồ số 105-ĐC, diện tích 1.529,9m^2 toạ lạc tại thôn C, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên là một phần của thửa đất mà ông nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Tri N, bà Nguyễn Thị T2 (là cha, mẹ ông) vào ngày 31/10/1988. Khi vợ chồng ông làm thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà Nguyễn Thị L có đơn đề nghị tạm dừng. Vì vậy, ông yêu cầu Toà án tuyên buộc bà L chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất hợp pháp của gia đình ông để vợ chồng ông tiếp tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngược lại, bị đơn bà Nguyễn Thị L thì cho rằng thửa đất nêu trên là tài sản của ông Nguyễn Tri N, bà Nguyễn Thị T2 (là cha, mẹ bà) để lại nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thanh P. Đồng thời, bà L có Đơn yêu cầu phản tố về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật. Toà án cấp sơ thẩm tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Thanh P, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị L chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất hợp pháp của vợ chồng ông P; vợ chồng ông P được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền tiếp tục đăng ký kê khai để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 181 nêu trên.

[2.2] Về xác định quan hệ tranh chấp: tại Đơn khởi kiện đề ngày 02/4/2022, ông Võ Thanh P yêu cầu bà Nguyễn Thị L chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất, diện tích 1.529,9m^2 và yêu cầu Toà án công nhận diện tích đất này cho vợ chồng ông. Toà án nhân dân thị xã Sông Cầu thụ lý vụ án dân sự về việc

tranh chấp quyền sử dụng đất. Ngày 16/6/2023, bà Nguyễn Thị L có Đơn yêu cầu phản tố yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất 1.529,9m^2 do cha, mẹ bà (ông Nguyễn Tri N, bà Nguyễn Thị T2) để lại. Do bà Nguyễn Thị Bích L2, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị T1 đều đang định cư ở nước ngoài nên Toà án nhân dân thị xã Sông Cầu chuyển hồ sơ vụ án đến Toà án nhân dân tỉnh Phú Yên theo thẩm quyền. Toà án nhân dân tỉnh Phú Yên thụ lý vụ án về tranh chấp quyền sử dụng đất, tranh chấp di sản thừa kế, nhưng không thông báo cho bị đơn bà Nguyễn Thị L biết để đến Toà án làm thủ tục nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm. Việc Toà án cấp sơ thẩm không thông báo cho bà Nguyễn Thị L biết để nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố là vi phạm thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 146, Điều 195 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, khoản 1 Điều 25 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án, Toà án cấp sơ thẩm có đưa bà Nguyễn Thị Bích L2, bà Nguyễn Thị Y và bà Nguyễn Thị T1 (là con của ông Nguyễn Tri N và bà Nguyễn Thị T2) tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (đều đang định cư ở nước ngoài) nhưng không triệu tập và cũng không tiến hành các thủ tục lấy lời khai của những người này là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[2.4] Toà án cấp sơ thẩm nhận định bị đơn bà Nguyễn Thị L có đơn phản tố, nhưng không thực hiện nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nên không xem xét, nhưng lại phân tích, đánh giá yêu cầu phản tố của bà L về việc yêu cầu chia di sản thừa kế. Phân tích, đánh giá này của cấp sơ thẩm là không đúng pháp luật. Mặt khác, Toà án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là di sản thừa kế của cha, mẹ các bên để lại, hay đã chuyển nhượng cho nguyên đơn ông Võ Thanh P, nhưng lại xác định diện tích đất tranh chấp không phải là di sản thừa kế của ông Nguyễn Tri N và bà Nguyễn Thị T2, là không khách quan.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án cấp sơ thẩm có nhiều sai sót về thủ tục tố tụng cũng như về đường lối giải quyết vụ án. Những sai sót này, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 32/QĐ-VKS-DS ngày 20/5/2024 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn L1, ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị Thùy D, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị Bích L2; huỷ Bản án dân sự sơ thẩm

số 18/2024/DS-ST ngày 19/4/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Phú Yên và chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: do Bản án dân sự sơ thẩm bị huỷ để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm nên các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn L1, ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị Thùy D, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị Bích L2 số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2024/DS-ST ngày 19/4/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Phú Yên. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Thùy D, ông Nguyễn L1, ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị Bích L2, mỗi người 300.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0004362, số 0004363, số 0004364, số 0004365 cùng ngày 04/5/2024 (do bà Phan Lê Mỹ D1 nộp thay) và số 0007110, số 0007111 cùng ngày 09/12/2024 (do bà Nguyễn Thị Phú B nộp thay) của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.***Nơi nhận:***
- Toà án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, P HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Liên